

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 8 - 2023.

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Phước Tân;

2/ Ông Võ Hoàng Nghiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa số: 313/2023/TTPT-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Cẩm G, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Tổ 27, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An G.

- ***Bị đơn:*** Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Tổ 27, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An G.

(Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà G trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông H xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu và tổ chức lễ cưới năm 2010, đăng ký kết hôn vào năm 2013 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 251/2013 thuộc quyền số 02/2013 do Ủy ban nhân dân xã PH cấp).

Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H không chung thủy, có mối quan hệ bất chính với người khác. Hiện nay, bà và ông H đã không còn sống chung từ đầu năm 2015 cho đến nay.

Con chung: 01 (một) con chung tên Đoàn Thị Huỳnh N, sinh ngày 12/4/2010, hiện đang do bà G nuôi dưỡng. Ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông H theo quy định nhưng ông không tham gia hoà giải và không có ý kiến.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà G, ông H được bà Nguyễn Thị Đúng cung cấp: Bà là mẹ ruột bà G, về nguyên nhân mâu thuẫn là bắt đầu từ năm 2015 và do ông H có quan hệ nam nữ bất chính với người khác. Hiện nay cả hai không còn sống chung nữa. Cả hai có 01 con chung tên Đoàn Thị Huỳnh N sinh năm 2010 và đang sống chung với bà G.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú của ông H thể hiện ông vẫn còn cư trú tại ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An G.

Kết quả xác minh con chung thể hiện: Bà G và ông H có 01 con chung tên Đoàn Thị Huỳnh N.

Tại phiên tòa, bà G có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến. Ông H vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, tại phiên tòa thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa bà G và ông H xác lập trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010 và đến năm 2013 đăng ký kết hôn. Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì mâu thuẫn của ông, bà là trầm trọng và thời gian không chung sống đã lâu, ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G.

- Về con chung: Căn cứ chứng cứ do bà G cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án thì bà G, ông H có 01 con chung là cháu N, hiện sống với bà G. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con, đề nghị giao cháu N cho bà G nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà G không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà G không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, bà G có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu của bà G xin ly hôn với ông H thì thấy: Mặc dù ông bà chung sống với nhau như vợ chồng một cách tự nguyện từ năm 2010, tuy nhiên đến năm 2013 đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà G thì thấy: Trong đời sống chung phát sinh mâu thuẫn, thời gian không chung sống đã lâu nhưng các bên đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận tìm phương

pháp giải quyết và chung sống lại nhưng bà G không đồng ý đoàn tụ, ông H không tham gia phiên hòa giải. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông bà thể hiện mâu thuẫn là có xảy ra và hiện cả hai đã không còn chung sống. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của bà G và ông H xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G về việc ly hôn ông H.

[3] Về con chung:

Căn cứ chứng cứ do bà G giao nộp kèm theo đơn khởi kiện thì ông, bà có 01 con chung là cháu Đoàn Thị Huỳnh N, sinh ngày 12/4/2010, hiện đang do bà G nuôi dưỡng. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu về việc muốn sống cùng ai sau khi cha, mẹ ly hôn nhưng ông H không có không tranh chấp việc nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm sinh lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà G được tiếp tục nuôi dạy con chung.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà G không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp bà có yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Do bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp sau này bà và ông H có tranh chấp về việc chia tài sản chung, giải quyết các khoản nợ chung thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của bà G được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm G được ly hôn ông Đoàn Văn H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 251/2013 thuộc quyển số 02/2013 do Ủy ban nhân dân xã PH cấp ngày 17/12/2013 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà G được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Đoàn Thị Huỳnh N, sinh ngày 12/4/2010 hiện đang sống với bà.

Bà G cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0008124 ngày 23/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS H.AP (2);
- THA H.AP (1);
- UBND xã PH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS + VP (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bảo